TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-KDTM	*Mỏ Cày Nam, ngày 25 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

Địa chỉ trụ sở: số 18 L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lưu Trung Th, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng 8, số 3 L, phường L, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Vạn P, ông Nguyễn Hoài N, ông Nguyễn Khắc H và ông Nguyễn Thanh S.

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà M1, số 77 đường V, phường T1, quận N1, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M2.

Địa chỉ: Số 2605, ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: bà Võ Thị T, chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X.

Địa chỉ: ấp Đ1, xã T4, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- Bà Võ Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 2605, ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Đ1, xã T4, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký thường trú: số 107 khu phố 1, thị trấn M3, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: ấp Đ1, xã T4, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký thường trú: số 107 khu phố 1, thị trấn M3, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: ấp Đ1, xã T4, huyện M1, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Quang M5, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: số 76B Đ1, phường L1, thành phố T5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tính đến ngày 17/6/2025 tổng cộng là 12.181.721.052 (mười hai tỷ một trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn không trăm năm mươi hai) đồng. Trong đó gồm: tổng số tiền nợ gốc là 9.389.450.540 (chín tỷ ba trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn năm trăm bốn mươi) đồng, tổng tiền nợ lãi là 2.792.270.512 (hai tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm mười hai) đồng, cụ thể như sau:

- Dư nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 37219.22.855.2831560.TD ngày 01/8/2022; Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng 37219.22.855.2831560.TD.PL01 ngày 02/8/2022; Văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện số 37219.22.855.2831560.TD.PL02 ngày 19/8/2022 tổng cộng là: 11.541.079.608 (mười một tỷ năm trăm bốn mươi mốt triệu không trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm lẻ tám) đồng. Trong đó: tổng số tiền nợ gốc là 8.893.196.629 (tám tỷ tám trăm chín mươi ba triệu một trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi chín) đồng, tổng số tiền nợ lãi là 2.647.882.979 (hai tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng, cụ thể gồm:

+ Văn bản nhận nợ số LD2304519845 ngày 14/02/2023 số tiền nợ tổng cộng là 2.504.062.506 (hai tỷ năm trăm lẻ bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm lẻ sáu) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 1.893.197.396 (một tỷ tám trăm chín mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi sáu) đồng, tiền nợ lãi là 13.661.058 (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm năm mươi

tám) đồng, tiền nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 594.685.180 (năm trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn một trăm tám mươi) đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 2.518.872 (hai triệu năm trăm mười tám nghìn tám trăm bảy mươi hai) đồng;

+ Văn bản nhận nợ số LD2304800260 ngày 17/02/2023 số tiền nợ tổng cộng là 3.202.384.398 (ba tỷ hai trăm lẻ hai triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi tám) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.479.999.233 (hai tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng, tiền nợ lãi là 16.096.219 (mười sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười chín) đồng, tiền nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 703.334.290 (bảy trăm lẻ ba triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi) đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 2.954.656 (hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi sáu) đồng;

+ Văn bản nhận nợ số LD2305287432 ngày 21/02/2023 số tiền nợ tổng cộng là 1.316.737.387 (một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bảy) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 1.020.000.000 (một tỷ không trăm hai mươi triệu) đồng, tiền nợ lãi là 7.771.562 (bảy triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm sáu mươi hai) đồng, tiền nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 287.547.781 (hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi mốt) đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 1.418.044 (một triệu bốn trăm mười tám nghìn không trăm bốn mươi bốn) đồng;

+ Văn bản nhận nợ số LD2305389363 ngày 22/02/2023 số tiền nợ tổng cộng là 4.517.895.317 (bốn tỷ năm trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm mười bảy) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu) đồng, tiền nợ lãi là 27.654.795 (hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, tiền nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 985.202.048 (chín trăm tám mươi lăm triệu hai trăm lẻ hai nghìn không trăm bốn mươi tám) đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 5.038.474 (năm triệu không trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi bốn) đồng.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số PD2320752120 ngày 01/8/2022 số tiền nợ tổng cộng là 640.641.444 (sáu trăm bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 496.253.911 (bốn trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ba nghìn chín trăm mười một) đồng, tiền nợ lãi là 5.974.740 (năm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng, tiền nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 137,323,752 (một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi hai) đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 1.089.041 (một triệu không trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt) đồng.

Kể từ ngày 18/6/2025 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M2 còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số:

66581.20.855.2831560.BĐ số công chứng: 11845, quyển số 1/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, tỉnh Bến Tre công chứng ngày 27/11/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 79037.22.855.2831560/BD số công chứng: 6904, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Tứ, tỉnh Bến Tre công chứng ngày 19/08/2022.

Tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 272, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: ấp Đông Thành, xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 315754, số vào sổ cấp GCN: CS04910 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/11/2020 cấp cho bà Võ Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 273, tờ bản đồ số: 11, địa chỉ: ấp Đông Thành, xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 315753, số vào sổ cấp GCN: CS04911 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/11/2020 cấp cho bà Võ Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 600, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: ấp Đông Thạnh, xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 315743, số vào sổ cấp GCN: CS04906 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/11/2020 cấp cho bà Võ Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 629, tờ bản đồ số: 9, địa chỉ: ấp Phú Lộc Thượng, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX 740399, số vào sổ cấp GCN: CS08204 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 17/9/2020 cho bà Võ Thị T.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 628, tờ bản đồ số: 9, địa chỉ: ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 606204, số vào sổ cấp GCN: CS07927 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/02/2020; Ngày 16/3/2020 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cập nhật chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị T, CMND số: 320955245, địa chỉ thường trú: ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ số 007381.CN.001.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 269, tờ bản đồ số: 9, địa chỉ: ấp Phú Lộc, xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 645720, số vào sổ cấp GCN: CS07878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 07/01/2020; Ngày 16/3/2020 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cập nhật chuyển nhượng quyền sử dụng cho bà Võ Thị T, năm sinh: 1979; Địa chỉ thường trú: ấp An Nhơn 2, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ số 003951.CN.003.

Ghi nhận việc các bên thống nhất không tranh chấp, tự thương lượng với nhau, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết đối với các tài sản trên đất.

Về chi phí thu thập chứng cứ là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã tạm nộp nên bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M2 có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí thu thập chứng cứ là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Về án phí: án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được giảm 50% là 60.090.860 (sáu mươi triệu không trăm chín mươi nghìn tám trăm sáu mươi) đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M2 phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 59.558.789 (năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0011698 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Chiến Trực